

Bản án số: 104/2023/HS-ST
Ngày 17-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Thân Trọng Khôi
- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Quang Vinh.
Ông Đồng Văn Diệm.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2023 tại điểm cầu trực tuyến Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu trực tuyến Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HS ngày 31/10/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Nơi ĐKKHKT: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: TDP T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Gia P, sinh năm 1951; con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 hiện đều cư trú thôn P, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; gia đình có năm chị em bản thân là thứ nhất. Chồng Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt T 07 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Chị Hoàng Thị H, sinh 1987 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Đều cư trú: TDP M, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Giáp Thị T1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lâm Quốc A, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Nguyễn Thị T (sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) và chị Hoàng Thị H (sinh năm 1987 ở thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) có mối quan hệ bạn bè, làm ăn chung với nhau về kinh doanh bất động sản từ năm 2019. Đầu tháng 11/2022, T đến nhà chị H hỏi thuê chiếc xe ô tô NISSAN, loại GRAND LIVINA, biển kiểm soát 98A-258.86 với giá 500.000 đồng/ ngày, chị H đồng ý, giao xe ô tô và giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định cho T, do là chỗ quen biết nên hai bên không làm giấy tờ gì. Quá trình sử dụng xe, do T cần tiền trả nợ nên nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố lấy tiền. Ngày 08/11/2022, T tự ý điều khiển xe ô tô của chị H đến nhà chị Giáp Thị T1 (sinh năm 1988 ở thôn T, xã T, huyện Lạng Giang) đặt vấn đề cầm cố vay tiền, chị T1 đồng ý. T cầm cố xe ô tô cho chị T1 với giá 150.000.000 đồng, chị T1 chuyển khoản từ số tài khoản 0377179969 Ngân hàng MBbank đến số tài khoản 2000162689999 Ngân hàng Mbbank của T, sau đó chị T1 có ghi vào 01 quyển sổ để ghi nhớ ngày 08/11/2022 đã nhận cầm xe của T với giá 150.000.000 đồng. Đến đầu tháng 01/2023 chị H đòi lại xe ô tô trên thì T thừa nhận là đã mang xe đi cầm cố, chị H không đồng ý nên nhiều lần yêu cầu T chuộc lại xe để trả nhưng T không có khả năng chuộc lại xe nên ngày 13/02/2023 chị H có đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang.

Ngày 07/3/2023, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Giáp Thị T1 tại thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, thu giữ: 01 quyển sổ bìa cứng màu đỏ, kích thước (15x10.5x1)cm (trong đó tờ thứ 15 có ghi nội dung “8.11.2022, chị T xe 150”, theo chị T1 khai đây là nội dung việc T cầm cố xe ngày 08/11/2022 với giá 150.000.000 đồng); 01 vở học sinh không có bìa, nhãn hiệu “Hải Tiến”, kích thước (24x16)cm; 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 25/10/2022, người vay là Nguyễn Thị T; 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/10/2022, người vay là Nguyễn Thị T. (BL: 35, 36)

Ngày 09/3/2023, chị T1 tự nguyện trả xe ô tô 98A-258.86 cùng giấy tờ xe cho anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996 (con trai T), sau đó anh L đã mang trả lại cho chị H. Ngày 10/3/2023 chị H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô trên và 01 giấy chứng nhận đăng ký, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 98A-258.68 cho Cơ quan điều tra. (BL: 60 - 62)

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 15/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: 01 xe ô tô có nhãn hiệu: NISSAN, số loại: GRAND LIVINA, số máy: MR18081633R, số khung:

RLFCL08ANCH000901, màu sơn: Xám, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 98A-58.86 trị giá 170.000.000 đồng. (BL: 50)

Về vật chứng: Ngày 05/4/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô 98A-258.86 và giấy tờ xe cho chị H, chị H đã nhận xe. Ngày 27/3/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại các sổ sách, giấy tờ thu giữ của chị T1.

2. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Đầu tháng 12/2022, Nguyễn Thị T vay của anh Lâm Quốc A (sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã K, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) số tiền 150.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Khi đến hạn không thấy T trả nên Quốc A nhiều lần gọi điện thoại, tìm đến nhà T đòi tiền. Do làm ăn thua lỗ, nợ nhiều, không có tiền trả cho Quốc A nên T nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Tối ngày 27/12/2022, T truy cập mạng xã hội Facebook tìm chỗ cho thuê xe thì thấy anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) có đăng thông tin cho thuê xe ô tô tự lái và để lại số điện thoại liên hệ. T gọi điện cho anh Q đặt vấn đề thuê xe thì được anh Q đồng ý, sau đó T gọi điện cho anh Thân Văn Y (sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang) là người quen của T hỏi chỗ cầm cố xe ô tô, vay tiền để khi thuê được xe sẽ mang đi cầm cố luôn. Buổi trưa ngày 28/12/2022, anh Q và vợ là chị Nguyễn Thị N sinh năm 1987, đi 02 xe ô tô đến nhà T ở Ki ô số 98 Trung tâm Thương mại thị trấn V, huyện Lạng Giang. Tại đây, vợ chồng anh Q thoả thuận cho T thuê chiếc xe ô tô Kia Rio, biển kiểm soát 30G-540.17 trong thời hạn 01 tháng với giá 25.000.000 đồng, hai bên ký kết hợp đồng thuê xe, T trả trước 10.000.000 đồng, anh Q giao xe ô tô cùng bản gốc giấy chứng nhận kiểm định, bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho T. Khi vợ chồng anh Q vừa về, T liền điều khiển xe ô tô vừa thuê đi lên tỉnh Lạng Sơn để cầm cố, trên đường đi T gọi điện cho anh Y hỏi chỗ cầm xe, anh Y chỉ dẫn T đến cửa hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Thanh V (sinh năm 1969 ở thôn B, xã M, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn). Đến nơi, T đặt vấn đề cầm cố xe ô tô 30G-540.17 vay 200.000.000 đồng nhưng ông V biết là xe thuê của người khác nên không nhận. Sau đó T điều khiển xe đến thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, trên đường đi T gọi điện thoại rủ anh Y đi cùng để sau khi cầm được xe thì nhờ anh Y đưa về nhưng anh Y từ chối. Khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, T đi đến và đỗ xe vào bãi xe dưới tòa nhà Hội chợ triển lãm và dịch vụ trung tâm, thuộc phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên rồi gọi điện cho Quốc A đến. Khi gặp nhau, T bảo chưa cầm cố được xe nên không có tiền trả, T tự nguyện giao xe ô tô 30G-540.17 cho Quốc A giữ để đảm bảo cho việc trả nợ, hẹn vài ngày nữa thu xếp được tiền sẽ đến trả nợ và chuộc xe. Sau đó T về Bắc Giang, vài ngày sau Quốc A tiếp tục gọi điện giục T trả nợ nhưng T không có tiền trả.

Sau khi cho T thuê xe, vợ chồng anh Q đã nhiều lần liên lạc, tìm gặp T để đòi lại xe ô tô nhưng T đưa ra nhiều lý do để trốn tránh, không trả. Ngày 11/3/2023, anh Q có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang, đồng thời giao nộp hợp đồng thuê xe ô tô 30G-540.17 ngày 28/12/2022 ký với T và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 30G-540.17. (BL: 356 - 358)

Ngày 20/3/2023, anh Q giao nộp bản in dữ liệu giám sát hành trình của xe ô tô 30G-540.17, thể hiện đầy đủ lịch trình di chuyển của xe, phù hợp diễn biến việc T

điều khiển xe đi tìm chỗ cầm cố và điều khiển xe đến thành phố Thái Nguyên giao cho Quốc A. (BL: 250 - 330)

Ngày 27/9/2023, anh Q đã tự nguyện trả khoản tiền 130.000.000 đồng mà T đang nợ Quốc A và nhận lại xe ô tô 30G-540.17 từ Quốc A. Cùng ngày, anh Q giao nộp xe ô tô 30G-540.17 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. (BL: 232 - 236)

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: 01 xe ô tô có nhãn hiệu: KIA, số loại: RIO, số máy: G4FAGS128900, số khung: KNADN412BG6091550, màu sơn: trắng, sản xuất năm 2016, biển kiểm soát 30G -540.17 có giá 350.000.000 đồng. (BL: 223)

Ngày 28/9/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô 30G-540.17 và đăng ký xe cho anh Q.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị cưỡng bức, đánh đập, ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang xác định lời khai nhận tội của bị cáo tại Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai Người bị hại, lời khai Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; sơ đồ và bản ảnh hiện trường; vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, Điều 38, Điều 55, Điều 56, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 03 năm đến 04 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 55, Điều 56, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 08 năm đến 9 năm tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 năm tù. Tổng hợp với Bản án số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 07/3/2023, miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xem xét trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội và buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát, mà xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Do đó xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. HĐXX thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại tới việc xét xử đối với vụ án và bị cáo. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng: Xác định được, đầu tháng 11/2022, Nguyễn Thị T thuê của chị Hoàng Thị H chiếc xe ô tô NISSAN, loại GRAND LIVINA, biển kiểm soát 98A-258.86, trị giá 170.000.000 đồng. Sau đó, do cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố lấy tiền. Ngày 08/11/2022, T tự ý điều khiển xe ô tô của chị H đến nhà chị Giáp Thị T1 ở thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cầm cố cho chị T1 chiếc xe ô tô trên với giá 150.000.000 đồng rồi chỉ tiêu vào mục đích cá nhân hết dẫn đến không có khả năng chuộc lại xe trả cho chị H.

Đầu tháng 12/2022, Nguyễn Thị T vay của anh Lâm Quốc A số tiền 150.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Khi đến hạn nhưng không có tiền trả cho Quốc A nên T nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Trưa ngày 28/12/2022, tại nhà của mình ở Ki ốt số 98 Trung tâm Thương mại thị trấn V, huyện Lạng Giang, T dùng thủ đoạn gian dối bằng cách giả vờ thuê xe ô tô Kia Rio, biển kiểm soát 30G-540.17 trị giá 350.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị N để làm phương tiện đi lại. Ngay sau khi vợ chồng anh Q vừa về, T liền điều khiển xe ô tô đi lên tỉnh Lạng Sơn tìm chỗ cầm cố nhưng không được. Do không cầm được xe nên khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giao xe cho Quốc A giữ để đảm bảo cho việc trả nợ và hẹn vài ngày sau thu xếp được tiền sẽ đến trả và chuộc xe. Tuy nhiên, sau đó T không có khả năng trả nợ để lấy lại xe.

Điểm b Khoản 1, điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác....:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Khoản 1, điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

Như vậy, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần xử lý đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 25/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt 07 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, phạm tội lần này ngoài tình tiết định khung hình phạt ra, thì không có tình tiết nào làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần con em người lao động, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại (Hoàng Thị H) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, để bị cáo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản đều nhằm mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 175 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước. Song xét thấy bị cáo đã ly hôn chồng, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, không có nơi ở ổn định, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/4/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô 98A-258.86 và giấy tờ xe cho chị H, chị H đã nhận xe và không yêu cầu bồi thường gì. Ngày 27/3/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại các sổ sách, giấy tờ thu giữ của chị T1; đối với số tiền 150.000.000 đồng T vay của chị T1, nay chị T1 không có yêu cầu gì nên, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 130.000.000 đồng (đây là số tiền vợ, chồng anh Q chị N đã bỏ ra trả khoản nợ bị cáo T vay của anh Lâm Quốc A để lấy lại chiếc xe ô tô); ngoài ra, anh Q, chị N còn yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm 215.000.000 đồng là số tiền thuê xe ô tô từ ngày 28/12/2022 đến ngày 27/9/2023 (09 tháng) theo hợp đồng thuê xe hai bên ký ngày 28/12/2022 với giá thỏa thuận 25.000.000 đồng/1 tháng, khi thuê xe T mới trả trước được 10.000.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu đòi bồi thường của anh Q, chị N như vậy là quá cao, không đúng với thực tế, bản chất của hợp đồng. Do vậy cần buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi hoàn trả vợ chồng anh Q, chị N 130.000.000 đồng tiền vợ, chồng anh Quỳnh chị Nhã đã bỏ ra trả khoản nợ bị cáo T vay của anh Lâm Quốc A để lấy lại chiếc xe ô tô. Cùng 15.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô còn thiếu chưa thanh toán, xét là phù hợp cần chấp nhận. Anh Lâm Quốc A không yêu cầu bị cáo T bồi hoàn gì thêm, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: Đối với chị Giáp Thị T1 nhận cầm cố xe ô tô thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền của chủ sở hữu, vi phạm quy định tại Điểm 1, Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Công an huyện Lạng Giang đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy là phù hợp, nên không đặt ra xem xét giải quyết

Án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 55, Điều 56, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292, 299, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 8 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Tổng hợp với Bản án số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 (mười một) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/3/2023.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi hoàn trả vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị N 145.000.000 đồng (trong đó có 130.000.000đ chuộc xe ô tô và 15.000.000đ tiền thuê xe còn thiếu).

* Về án phí: Áp dụng Điều 21; 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi